

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GR
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST
Ngày 18- 7- 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GR, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Nhi**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng C Tòa nhà T, số A đường Q, phường M, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Doãn S** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Doãn Sơn: Ông **Nguyễn Tấn D** – Giám đốc Chi nhánh Bạc Liêu.

Địa chỉ chi nhánh: Số N, đường P, Phường D, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn D: Ông **Trần Trung N** – Chức vụ: Chuyên viên (vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Văn Thị Xuân T**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp K, xã P, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B và người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Trung N trình bày:

Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B và bà Văn Thị Xuân T có ký Hợp đồng tín dụng số: HDTD9202017945 theo đó bà T vay của Ngân hàng số tiền là 100.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng, lãi suất vay là 12%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức $LSCV = LSTKCK13 \text{ tháng} + \text{Margin}$ (Margin hiện tại là 4,75%/năm), thời hạn vay 60 tháng, hình thức trả nợ gốc và lãi được trả định kỳ vào ngày 15 hàng tháng. Vay không có tài sản đảm bảo. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền là 111.563.048 đồng (trong đó tiền gốc là 80.160.048 đồng, tiền lãi là 31.403.000 đồng).

Ngày 06 tháng 3 năm 2020 Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B và bà Văn Thị Xuân T có ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTD18A202020 theo đó bà T vay của Ngân hàng số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng, lãi suất vay là 13,6%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức $LSCV = LSTKCK13 \text{ tháng} + \text{Margin}$ (Margin hiện tại là 7%/năm), thời hạn vay 11 tháng, hình thức trả nợ gốc và lãi được trả định kỳ vào ngày 15 hàng tháng. Vay không có tài sản đảm bảo. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền là 10.348.292 đồng (trong đó tiền gốc là 3.635.414 đồng, tiền lãi là 6.712.878 đồng).

Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B yêu bà Văn Thị Xuân T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD9202017945 nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18 tháng 7 năm 2022 là 23.092.298 đồng (trong đó nợ gốc là 19.839.952 đồng, lãi là 3.252.346 đồng). Yêu cầu bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD18A202020 với tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 18 tháng 7 năm 2022 là 59.809.260 đồng (trong đó nợ gốc là 46.364.586 đồng, lãi là 13.444.674 đồng). Tổng cộng là 82.901.558 đồng (trong đó nợ gốc là 66.204.538 đồng và lãi là 16.697.020 đồng). Đồng thời, kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2022 thì bà T còn phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn bà Văn Thị Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại

diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Trung N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Văn Thị Xuân T vắng mặt không có lý do tại phiên họp, phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B, buộc bà Văn Thị Xuân T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD9202017945 tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18 tháng 7 năm 2022 là 23.092.298 đồng (trong đó nợ gốc là 19.839.952 đồng, lãi là 3.252.346 đồng). Buộc bà T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số HDTD18A202020 với tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18 tháng 7 năm 2022 là 59.809.260 đồng (trong đó nợ gốc là 46.364.586 đồng, lãi là 13.444.674 đồng). Đồng thời, kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2022 thì bà T còn phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Văn Thị Xuân T trả nợ vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bà T có địa chỉ tại ấp K, xã P, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B và bà Văn Thị Xuân T ký kết các hợp đồng tín dụng, mục đích vay để tiêu dùng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt thông báo thụ lý, thông báo về các phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà Văn Thị Xuân T đều vắng mặt không rõ lý do. Phía đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B là ông Trần Trung N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B về việc yêu cầu bà Văn Thị Xuân T trả nợ các theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, thấy rằng: Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B và bà Văn Thị Xuân T có ký Hợp đồng tín dụng số: HDTD9202017945 theo đó bà T vay của Ngân hàng số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất vay là 12%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức $LSCV = LSTKCK13 \text{ tháng} +$

Margin (Margin hiện tại là 4,75%/năm), thời hạn vay 60 tháng, hình thức trả nợ gốc và lãi được trả định kỳ vào ngày 15 hàng tháng. Ngày 06 tháng 3 năm 2020 Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B và bà Văn Thị Xuân T có ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: HDTĐ18A202020 theo đó bà T vay của Ngân hàng số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất vay là 13,6%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức $LSCV = LSTKCK13 \text{ tháng} + \text{Margin}$ (Margin hiện tại là 7%/năm), thời hạn vay 11 tháng, hình thức trả nợ gốc và lãi được trả định kỳ vào ngày 15 hàng tháng. Mục đích của các khoản vay nêu trên đều là tiêu dùng và không có tài sản đảm bảo. Do đó, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, việc cấp tín dụng dưới hình thức cho vay của Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Trong quá trình vay, bà T chưa thanh toán đầy đủ tiền gốc, lãi cho Ngân hàng nên vi phạm các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18 tháng 7 năm 2022) thì bà T còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số HDTĐ9202017945 tiền gốc và lãi là 23.092.298 đồng (trong đó nợ gốc là 19.839.952 đồng, lãi là 3.252.346 đồng). Nợ theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTĐ18A202020 tiền gốc và lãi là 59.809.260 đồng (trong đó nợ gốc là 46.364.586 đồng, lãi là 13.444.674 đồng). Tổng cộng là 82.901.558 đồng (trong đó nợ gốc là 66.204.538 đồng và lãi là 16.697.020 đồng). Xét thấy, các hợp đồng tín dụng được ký kết đúng theo quy định pháp luật. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặt khác bà T không chứng minh được là bà đã thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu bà T trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2022 thì bà T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận là 82.901.558 đồng $\times 5\% = 4.145.077$ đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B đối với bà Văn Thị Xuân T.

2. Buộc bà Văn Thị Xuân T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18 tháng 7 năm 2022) theo Hợp đồng tín dụng số HDTD9202017945 là 23.092.298 đồng (trong đó nợ gốc là 19.839.952 đồng, lãi là 3.252.346 đồng).

Buộc bà Văn Thị Xuân T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Đ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18 tháng 7 năm 2022) theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD18A202020 là 59.809.260 đồng (trong đó nợ gốc là 46.364.586 đồng và lãi là 13.444.674 đồng).

Kể từ ngày 19 tháng 7 năm 2022, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng vay các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Văn Thị Xuân T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.145.077 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B không phải chịu án phí. Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003944 ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu nên Ngân hàng Thương mại Cổ Phần B được nhận lại số tiền 1.900.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã GR;
- Chi cục THADS thị xã GR;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Kim Nhi